TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24-7-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Hồng Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Dưỡng
2. Bà Nông Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đàm Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng tham gia phiên tòa*:* Ông Nông Đức Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2026/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Mùi C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm T, xã T, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

2. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Đặng Mùi C: Ông Nông Văn S - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C, có mặt.

3. Bị đơn: Anh Lý Tòn D, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm T, xã T, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27-02-2026 và các ý kiến tiếp theo, nguyên đơn chị Đặng Mùi C trình bày:

Tôi và anh Lý Tòn D quen biết, tìm hiểu và tự nguyện tiến đến kết hôn. Được sự đồng thuận của hai bên gia đình chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng ngày 13-01-2010. Sau khi kết hôn thì vợ chồng về sống và làm ăn chung cùng gia đình

nhà chồng tại xóm T, xã T, tỉnh Cao Bằng từ năm 2010 đến nay. Thời gian đầu vợ chồng có tình cảm và thương yêu, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. C1 sống một thời gian, chồng tôi nhiều lần vô cớ đánh đập tôi. Sự việc cũng đã được trưởng xóm và đại diện các ban ngành của xóm cũng đến nhắc nhở chồng tôi. Có những lần hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bố mẹ của tôi đến nhà chồng để đón tôi, ở mấy ngày thì chồng sang nhà ngoại xin lỗi và đón tôi về. Tuy nhiên, đến năm 2019 chồng tôi nghiện và bị kết án phạt tù. Từ thời điểm đó đến nay, tôi một mình ở nhà nuôi con, chăm lo cuộc sống gia đình. Trong thời gian chồng tôi chấp hành án phạt tù, vợ chồng không còn chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống tình cảm vợ chồng dần rạn nứt và không còn gắn bó. Đến ngày 11-02-2026 chồng tôi ra tù trở về nhà. Từ khi hết hạn tù trở về nhà, chồng tôi không chịu lao động sản xuất, cùng tôi chia sẻ công việc gia đình và nuôi dạy con chung. Thấy chồng không tu chí làm ăn, tôi cũng tránh mặt. Sau khi về nhà được khoảng 01 (một) tháng chồng tôi tự ý bán 02 (hai) chiếc xe mô tô là tài sản của hai vợ chồng để lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Hiện nay, tôi xác định tình cảm vợ, chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh Lý Tòn D.

Về con chung: Tôi và anh Lý Tòn D có 02 (hai) con chung là Lý Thị Hoài A, sinh ngày 19-11-2009 và Lý Thị Thu H, sinh ngày 04-02-2012. Khi ly hôn, cháu Lý Thị Hoài A sẽ do anh Lý Tòn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và tôi không cấp dưỡng nuôi con; cháu Lý Thị Thu H sẽ do tôi trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tôi không yêu cầu chồng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

Về tài sản chung: Trong quá trình hôn nhân, chúng tôi không có tài sản chung. Tôi không yêu cầu giải quyết về tài sản chung.

Về nợ chung: Tôi và anh Lý Tòn D không có nợ chung nên tôi không yêu cầu tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai đề ngày 28-5-2026 và các ý kiến tiếp theo bị đơn anh Lý Tòn D trình bày:

Tôi và chị Đặng Mùi C được tự do tìm hiểu và tự nguyên tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 13-10-2010 tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu chung sống hai vợ chồng hòa thuận hạnh phúc, không có mâu thuẫn xảy ra. Ngày 25-02-2020 tôi đi chấp hành án tại Trại giam P, đến tháng 02 năm 2026 tôi chấp hành án xong và quay trở về địa phương. Thời gian đầu tôi mới đi chấp hành án vợ tôi vẫn xuống thăm tôi, tôi không được mắng chửi vợ tôi. Tôi xác định vẫn còn tình cảm với vợ nên không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C vì muốn cùng nhau chăm sóc các con.

Về con chung: Tôi và chị Đặng Mùi C có 02 (hai) con chung là Lý Thị Hoài A, sinh ngày 19-11-2009 và Lý Thị Thu H, sinh ngày 04-02-2012. Hiện nay, con Lý

Thị Hoài A đang ở cùng với tôi. Trong trường hợp phải ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả hai con, yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi mỗi con 2.000.000 đồng/tháng; còn nếu trong trường hợp chị C nuôi con Lý Thị Thu H thì chị C phải xây dựng nhà cửa, lo đủ tài sản cho con làm ăn.

Về tài sản chung, nợ chung: Tôi và chị C không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung, thay đổi hay rút một phần yêu cầu khởi kiện. Về tài sản chung, thì trước đây hai vợ chồng có mua chung 02 (hai) chiếc xe mô tô nhưng anh D đã bán đi nên nguyên đơn không yêu cầu giải quyết về tài sản chung. Bị đơn cũng thừa nhận hai vợ chồng có mâu thuẫn từ khoảng năm 2013, 2014; có những lần mâu thuẫn bị đơn đã có hành vi tát vào mặt của nguyên đơn, hai vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay, bị đơn chỉ đồng ý ly hôn khi chị C cam kết và có giấy tờ tài sản đều mang tên của con Lý Thị Thu H, nếu chị C không thực hiện được việc đó bị đơn yêu cầu nuôi cả 02 (hai) con và không yêu cầu chị C cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung do không có, nên bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về quan hệ vợ chồng chị Đặng Mùi C được ly hôn với anh Lý Tòn D; về con chung, chấp nhận giao con chung Lý Thị Thu H cho chị Đặng Mùi C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu anh Lý Tòn D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn. Nguyên đơn nhất trí với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, không có ý kiến gì bổ sung thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng có quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 68, 93, 195, 196, 198 và 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền giải quyết, xác định đương sự trong vụ án, thu thập chứng cứ, thụ lý vụ án. Thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán khi lập hồ sơ vụ án và thực hiện đúng thời hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án tự thu thập chứng cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, thư ký phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng,

+ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

+ Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2024 ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

+ Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 25; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chị Đặng Mùi C, cho chị C được ly hôn với anh Lý Tòn D.

2. Giao con chung là cháu Lý Thị Hoài A cho anh Lý Tòn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, chị C không cấp dưỡng nuôi con. Giao cháu Lý Thị Thu H cho chị Đặng Mùi C trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh D không cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Mùi C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án gồm: Bản sao Trích lục kết hôn giữa hai đương sự, giấy khai sinh con chung Lý Thị Hoài A, Lý Thị Thu H; bản tự khai của nguyên đơn, biên bản lấy lời khai của bị đơn; biên bản lấy lời khai của người làm chứng; biên bản xác minh; các quyết định về tố tụng; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các biên bản tống đạt văn bản.

Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các bên đương sự đã thống nhất: Sự kiện pháp lý giữa hai đương sự là có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng; các đương sự có 02 (hai) con chung là Lý Thị Hoài A (sinh ngày 19-11-2009) và Lý Thị Thu H (sinh ngày 04-02-2012); chị C và anh D đều xác nhận A, C2 đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng

Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, luật Tố tụng hành chính, Luật

tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Cao Bằng.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung

Ngày 27-02-2026, nguyên đơn chị Đặng Mùi C làm Đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Do vậy, cần áp dụng Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đang có hiệu lực để giải quyết vụ án.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Đặng Mùi C và anh Lý Tòn D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Cao Bằng đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ đã xác định được vợ chồng chị C và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng Anh C2 đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Hai vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, không có tiếng nói chung trong cuộc sống. Chị C khẳng định tình cảm với chồng đã hết và kiên quyết ly hôn. Bị đơn cũng thừa nhận giữa hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về vấn đề kinh tế, đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay.

Ngoài ra, những người làm chứng đều xác nhận chị C và anh D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hai vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không tôn trọng lẫn nhau.

Từ những căn cứ nêu trên, đủ cơ sở để kết luận tình trạng hôn nhân giữa chị C và anh D mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Về con chung

Con chung của chị C và anh D là Lý Thị Hoài A (sinh ngày 19-11-2009) và Lý Thị Thu H (sinh ngày 04-02-2012). Theo đơn khởi kiện chị C yêu cầu sau khi ly hôn Chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Lý Thị Thu H và tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con; còn con chung Lý Thị Hoài A sẽ giao cho anh Lý Tòn D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và chị C không cấp dưỡng nuôi con chung Lý Thị Hoài A.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc nuôi con chung là cháu Lý Thị Thu H nhưng bị đơn không nhất trí, Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Lý Thị Thu H từ nhỏ đến nay luôn được mẹ quan tâm, chăm sóc. Mặc dù hiện tại đang ở trọ nhưng mọi chi phí sinh hoạt trong cuộc sống đều do chị C chăm lo cho con, việc học tập của cháu H qua xác nhận của giáo viên cũng do chị C là người thường xuyên chăm lo, quan tâm và trao đổi với nhà trường; mặt khác gia đình nhà ngoại cũng tạo điều kiện, giúp đỡ về chỗ ở ổn định cho mẹ con chị C. Tòa xét thấy, để bảo đảm cho sự phát triển tâm, sinh lý và quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên và phù hợp với tâm tư nguyện vọng của con là mong muốn được chung sống với mẹ. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con chung Lý Thị Thu H cho chị C trực

tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Còn đối với Lý Thị Hoài A, hiện nay con đang chung sống với B và gia đình bên nội, xét thấy anh D có nhà cửa ổn định và cháu Lý Thị Hoài A mong muốn chung sống với Bố nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con chung Lý Thị Hoài A cho anh Lý Tòn D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, hai bên đương sự tự nguyện không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét gì thêm.

[5] Về tài sản chung, nợ chung

Về tài sản chung, nợ chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết phù hợp với quy định của pháp luật dân sự, Tòa ghi nhận.

[6] Đối với đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm (do nguyên đơn cư trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 147, 203, 227, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Mùi C. Chị Đặng Mùi C được ly hôn với bị đơn anh Lý Tòn D.

2. Về con chung

Giao con chung Lý Thị Hoài A (sinh ngày 19-11-2009) cho anh Lý Tòn D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), chị Đặng Mùi C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Giao con chung Lý Thị Thu H (sinh ngày 04-02-2012) cho chị Đặng Mùi C được trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Lý Tòn D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xác nhận, hiện tại con chung Lý Thị Hoài A đang ở với anh Lý Tòn D, con chung Lý Thị Thu H đang ở với chị Đặng Mùi C.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí

Nguyên đơn Đặng Mùi C được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 36 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Tam Kim;
- VKSND khu vực 4 - Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- Thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Hồng Vân